

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, THÁI ĐỘ VÀ NGUYỆN VỌNG CỦA ĐỒNG BÀO CHĂM ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG TIẾNG NÓI, CHỮ VIẾT CHĂM

SOCIOLINGUISTIC ANALYSIS OF CHAM LANGUAGE AND SCRIPT: USAGE, ATTITUDES, AND ASPIRATIONS OF THE CHAM PEOPLE

Nguyễn Văn Hiệp^{1,*}

DOI: <http://doi.org/10.57001/huiv5804.2025.051>

TÓM TẮT

Bài báo trình bày nghiên cứu về thực trạng sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của người Chăm cũng như thái độ, nguyện vọng của họ đối với việc bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết dân tộc. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng song ngữ (Chăm - Việt) của người Chăm là rất tốt. Phần lớn người Chăm có thể sử dụng cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày và họ có thái độ trung thành ngôn ngữ khá cao. Tuy nhiên do ngày càng có nhiều gia đình Chăm chủ trương chỉ nói tiếng Việt với con cái, nên nếu không có chính sách kịp thời, tiếng Chăm cũng sẽ bị mai một trong tương lai không xa. Ngoài ra, việc dạy tiếng Chăm không thể có hiệu quả cao nếu vẫn tồn tại nhiều bộ chữ Chăm, vì thế cần sớm xác nhận bộ chữ thống nhất cho người Chăm. Tình hình này được coi là có hiện tượng xung đột chữ viết, được thấy ở một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam có hơn một bộ chữ viết như người Mông, người Cơ Tu, người Raglai, người Thái và người Bru Vân Kiều ở Việt Nam. Những nội dung ở phần thảo luận của bài báo là cơ sở cho nhà nước Việt Nam có những biện pháp nâng cao hiệu quả việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của người Chăm, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: Tiếng Chăm, chữ Chăm, năng lực tiếng Chăm, tình hình sử dụng, sự lựa chọn chữ viết Chăm.

ABSTRACT

This paper examines the sociolinguistic dynamics of language and script usage among the Cham people in Vietnam, focusing on their attitudes and aspirations concerning the preservation of their ethnic language and script. The study reveals a high degree of bilingualism (Cham-Vietnamese) within the Cham community, with most members proficient in both their mother tongue and Vietnamese for daily communication. However, due to the increasing number of Cham families who choose to speak only Vietnamese with their children, the Cham language may face decline in the near future without timely intervention. Without timely intervention, this trend could significantly impact the vitality of the Cham language in the near future. Furthermore, the effectiveness of teaching the Cham language is constrained by the coexistence of multiple scripts. A unified writing system is urgently needed to address this challenge, as the current situation exemplifies a "writing conflict" similar to that experienced by other ethnic minorities in Vietnam with multiple scripts, such as the Hmong, Co Tu, Raglai, and Thai communities. The discussion section of this paper provides a foundation for the Vietnamese government to implement measures aimed at improving the use and teaching of the Cham language and script. Such efforts would not only preserve the cultural heritage of the Cham people but also contribute to the broader goals of sustainable development in Vietnam.

Keywords: Cham language, Cham script, Cham language proficiency, usage situation, choice of Cham script.

¹Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: hielpnv@hauivn

Ngày nhận bài: 01/11/2024

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 24/12/2024

Ngày chấp nhận đăng: 27/02/2025

1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NGƯỜI CHĂM VÀ TIẾNG CHĂM

1.1. Người Chăm

Người Chăm còn có các tên khác là người Chăm, người Chiêm, người Hời. Đây là một nhóm dân tộc thuộc chủng Nam Đảo (Austronesian) cư trú ở Đông Nam Á. Xét về chủng tộc, người Chăm có quan hệ họ hàng với người Raglai, người Ê Đê, người Chu Ru và người Gia Rai ở Việt Nam. Ở Việt Nam, người Chăm sống tập trung ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và một phần ở Phú Yên, Bình Định, An Giang, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu thống kê năm 2019, có 178.948 người người Chăm đang sinh sống ở Việt Nam. Lưu ý rằng nếu các tộc người thuộc nhóm Chamic như Raglai, Ê Đê, Chu Ru và Gia Rai đều ở miền núi thì người Chăm chủ yếu lại ở vùng duyên hải (Ninh Thuận, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định) hoặc đồng bằng (An Giang, Tây Ninh).

Nếu căn cứ vào tôn giáo, có thể chia người Chăm ở Việt Nam làm 4 nhóm. Nhóm thứ nhất là Chăm Bà La Môn, chiếm số lượng đông nhất, còn gọi là Chăm chịu ảnh hưởng của Bà La Môn giáo, tức Ấn Độ giáo. Nhóm Chăm thứ 2 chiếm số lượng tương đối đông nữa là nhóm Chăm Bà Ni, tức là Chăm Hồi giáo cũ. Nhóm Chăm thứ 3 là Chăm Hồi giáo mới, tức là Chăm Islam. Nhóm Chăm thứ 4 là Chăm không theo tôn giáo thế giới nào cả, gọi là nhóm Chăm H'roi, nhóm Chăm này theo tín ngưỡng nguyên thủy, nhiều nét tương đồng về văn hóa với người Ba Na, người Ê Đê sống lân cận (theo tài liệu của VOV5: <https://vovworld.vn/vi-VN/sac-mau-cac-dan-toc-viet-nam/cac-nhom-dan-toc-cham-o-viet-nam-174931.vov>).

Nếu căn cứ vào phương vị của địa bàn cư trú, người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận được gọi là Chăm Đông, người Chăm ở Phú Yên, Bình Định được gọi là Chăm Bắc, người Chăm ở An Giang, Tây Ninh được gọi là Chăm Tây.

Thurgood [21] nhà nghiên cứu về Chăm cho rằng, các ghi chép ban đầu và các công trình học thuật đã sử dụng thuật ngữ "Cham" để chỉ tất cả các dân tộc và ngôn ngữ Chăm, bất luận cư dân đó sống ở đâu. Theo nghĩa hẹp hơn, "Chăm" đã được dùng để chỉ người Chăm Đông người Chăm Tây, hoặc cả hai. Từ điển Chăm - Pháp năm 1906 bao gồm các từ được sử dụng ở cả Việt Nam và Campuchia. Doris Blood [4] và David Blood [3] sử dụng thuật ngữ "Chăm" để chỉ tiếng Chăm được nói ở tỉnh Ninh Thuận, bao gồm Phan Rang, Việt Nam. Thuật ngữ "Chăm Đông" và "Chăm Tây" không xuất hiện trong tài liệu ngôn ngữ học cho đến khi Friberg & Hor có bài viết về âm vị học Chăm Tây. Thurgood sử dụng thuật ngữ "Chăm Phan Rang" để chỉ người Chăm Đông. Thurgood dường như là người duy nhất hiện nay sử dụng thuật ngữ này cho

Chăm Đông. Danh sách Ethnologue 2009 sử dụng "Chăm Tây" và "Chăm Đông". Theo nhà nghiên cứu Chăm Inra Sara thì trước đó tên gọi là Chăm Đông, Chăm Tây... không dùng Chăm (trao đổi cá nhân).

Người Chăm có một lịch sử và nền văn hóa lâu đời, nổi tiếng với các tháp Chăm, các điệu múa Chăm, nghề làm gốm, nghề dệt vải. Khu vực người Chăm sinh sống, về địa hình có đồng bằng, có núi, có biển, địa bàn lại ở giao lộ của các nền văn hóa lớn là Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam nên Văn hóa Chăm đa dạng và phong phú bởi có sự kết hợp giữa các yếu tố văn hóa bản địa và các nét văn hóa ngoại lai (văn hóa Ấn Độ và các tôn giáo như Phật giáo; ảnh hưởng Hán hóa sớm; Hồi giáo) [18].

1.2. Tiếng Chăm và chữ Chăm

1.2.1. Tiếng Chăm

Tiếng Chăm thuộc ngữ hệ Nam Đảo. Tiếng Chăm là ngôn ngữ được chứng thực với các bia ký được xác minh là có niên đại vào cuối thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên.

Theo Kaori Ueki [23], các phương ngữ tiếng Chăm đều có 21 phụ âm và 9 nguyên âm. Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu có thể đưa ra một con số khác (xem [26]).

Bảng 1, 2 lần lượt là bảng hệ thống phụ âm, các nguyên âm tiếng Chăm mà Kaori Ueki nêu ra.

Bảng 1. Hệ thống phụ âm tiếng Chăm [23]

	Môi (labial)	lợi (alveolar)	ngạc (palatal)	mạc (velar)	thanh hầu (glottal)
Vô thanh (voiceless) không bật hơi (unaspirated) nổ (plosive)	p	t	c	k	ʔ
Vô thanh (voiceless) bật hơi (aspirated) nổ (plosive)	ph	th	ch	k	
Hút vào (implosive)	b	ɗ			
Mũi (nasal)	m	n	ɲ	ŋ	
Lỏng (liquid)		l			
Xát (fricative)		s			h
Có màu sắc r- (rhotic)	ɣ	rhotic	ɣ	rhotic	
Approximant âm tiếp cận			j	w	

Bảng 2. Các nguyên âm tiếng Chăm [23]

[-sau] [-back]	[+sau, -tròn môi] [+back, -round]	[+back, +round]	
[+cao] [+high]	i	ɨ	u
[-cao, -thấp] [-high, -low]	e	ə	o
[+thấp] [+low]	ɛ	a	ɔ

1.2.2. Chữ Chăm

Chữ Chăm được viết theo chiều ngang từ trái sang phải. Bia đá Võ Cạnh cho biết người Chăm dùng chữ viết từ rất sớm, khoảng thế kỷ thứ 2. Loại chữ viết này phát xuất từ chữ Phạn ở miền nam Ấn Độ (Devanagari).

Nguyễn Hữu Hoàn và các cộng sự [15] cho rằng, chữ Chăm là hậu duệ của chữ Brahmi của Ấn Độ. Loại chữ này đến Đông Nam Á theo sự bành trướng của Ấn Độ giáo và Phật giáo. Những ngôi đền đá Hindu của nền văn minh Champa chứa cả chữ viết bằng tiếng Phạn và nhóm ngôn ngữ Chamic (dẫn theo tài liệu ở: https://profilpelajar.com/article/Cham_script). Những bản khắc sớm nhất ở Việt Nam được tìm thấy ở Mỹ Sơn, một quần thể đền thờ có niên đại khoảng năm 400 sau Công nguyên. Dòng chữ cổ nhất được viết bằng tiếng Phạn, dạng chưa hoàn chỉnh. Sau đó, các bia ký luân phiên giữa tiếng Phạn và tiếng Chăm đương thời [7].

Theo Blood, Doris E. [5], chữ Chăm ký mã các âm tiết nguyên âm và phụ âm (V và CV), ngoài âm cuối còn có thể là CVC. Chữ Chăm có một số ký tự phụ âm cuối; các phụ âm khác chỉ kéo dài một đuôi dài hơn ở phía bên phải để biểu thị sự vắng mặt của nguyên âm cuối cùng.

Chữ viết được đánh giá cao trong văn hóa Chăm, nhưng không phải tất cả người Chăm đều biết chữ viết Chăm. Đã có những nỗ lực để đơn giản hóa chính tả và thúc đẩy việc học chữ viết, nhưng những nỗ lực này không mang lại thành công, do tính chất phức tạp của tự dạng chữ Chăm. Theo truyền thống, các cậu bé học chữ viết vào khoảng mười hai tuổi. Tuy nhiên, phụ nữ và trẻ em gái thường không học đọc [5].

Đi vào chi tiết, theo Nguyễn Hữu Hoàn và các cộng sự [15] thì chữ Chăm có nhiều dạng. Dạng chữ trên bia được gọi là Akhar Hayap, chúng có một số biến thể nhưng không có nhiều sự khác biệt. Dạng chữ Thánh được gọi là Akhar Rik, tức dạng chữ hoa, thường được sử dụng ở đầu câu. Dạng chữ thông dụng được gọi là Akhar Thrah, cũng có biến thể tùy theo hướng được đơn giản hóa hay cách điệu. Cụ thể, Nguyễn Hữu Hoàn và các cộng sự cho biết chữ Chăm cổ Akhar Thrah là loại chữ viết ghi âm tiết, với các ký hiệu ghi các âm riêng biệt.

Loại chữ này có 65 ký hiệu, trong đó có 41 ký hiệu ghi chữ cái (gồm 35 ký hiệu ghi phụ âm và 6 ký hiệu ghi nguyên âm), 24 ký hiệu là dấu phụ. Tính chất ghi âm tiết được thể hiện ở chỗ: "Mỗi ký hiệu (chữ cái) về cơ bản ứng với một âm vị, nhưng chỉ có giá trị, khi các chữ cái được ghép chung với dấu phụ, để ghi âm tiết". Các tác giả cũng cho rằng chữ Chăm cổ được ghi lại trên các bia đá, hoặc viết trên lá gồi được lưu giữ ở cộng đồng Chăm. Các văn bản này có nội dung ghi chép về văn học dân gian, tôn giáo, lịch sử, xã hội và các mặt khác của đời sống người Chăm, là tư liệu cực kỳ quý giá để nghiên cứu ngôn ngữ Chăm, lịch sử, văn hóa của người Chăm và nhà nước Chăm Pa.

Chữ Akhar Thrah cũng đã được hoàn thiện và cải tiến. Theo nhà nghiên cứu Inrasara thì học giả Pháp Aymonier và các trí thức Cham đầu thế kỷ XX đã tổng hợp từ nhiều nguồn tư liệu để làm nên từ điển (1906) giá trị. Có thể kể các tác phẩm quan trọng: Kinh sách Cham trên lá buông (Agal), tư liệu Hoàng gia Chăm, Akayet Sử thi, Ariya Trường ca trên giấy bản Tàu, và nhiều tài liệu lẻ trên các loại giấy khác nhau.

Aymonier đã chuẩn hóa một bước quan trọng, nhất là về nét chữ và cách viết đã được lược bớt rất nhiều.

Năm 1971, Moussay và trí thức Cham tiếp nhận cải cách của Lưu Quý Tân, chuẩn hóa tiếp. Sau rốt là Ban biên soạn sách chữ Chăm làm bước cuối cùng, và tạm xong 1985 (dẫn theo: <http://inrasara.com/2019/04/10/akhar-thrah-2-sang-trong-sai/>).

Tài liệu của Nguyễn Hữu Hoàn và các cộng sự [15] cũng cho biết từ sau năm 1975, trên cơ sở chữ Akhar Thrah cổ, Ban biên soạn chữ Chăm (thuộc Sở Giáo dục Ninh Thuận) đã cải tiến theo hướng đơn giản hóa bộ chữ, giảm bớt các ký hiệu, từ 41 ký hiệu ghi chữ cái, 24 ký hiệu ghi dấu âm, 157 ký hiệu ghi vần giảm xuống còn 31 ký hiệu ghi chữ cái, 17 ký hiệu ghi dấu âm và 141 ký hiệu ghi vần; đồng thời có sự bổ sung để phân biệt: nếu chữ Chăm cổ không phân biệt cách ghi nguyên âm ngắn/nguyên âm dài thì trong chữ Chăm cải tiến đã có sự phân biệt bằng cách thêm dấu "balou" trên nguyên âm dài.

Quang Cẩn, một trí thức Chăm, trong bài viết "Chữ Cham Akhar thrah của Ban Biên soạn sách chữ Chăm có trong Từ điển Aymonier - Cabaton, là di sản của tổ tiên" đã đánh giá cao cải tiến này, khi cho rằng: "Từ ngữ Cham phải được chuyển tải ý nghĩa chính xác, cả nói và viết, thì mới có sức sống. Nghĩa là phải được chuẩn hóa về chính tả (orthography). Bất kỳ một ngôn ngữ nào muốn sống còn và phát triển cũng đều phải trải qua thao tác này, phải tuân thủ quy luật ngôn ngữ học: "cặp tối thiểu - minimal pair".

Qua trên 40 cuộc hội thảo, trong mười năm, khắp các làng Chăm để tìm phương án tốt nhất cho việc truyền bá chữ Chăm, cho học sinh tiểu học. Việc thể hiện triệt để nhất quán dấu để phân biệt ngắn dài được chấp nhận và đồng thuận cơ bản từ năm 1988, để chính thức biên soạn và in ấn giáo trình. Chúng ta có thể gọi chữ Chăm AT “truyền thống” theo cách hiểu của nhiều người là chữ Chăm AT không dấu, hàn lâm, thiêng liêng và chữ Chăm AT “chỉnh lý” là chữ Chăm AT có dấu, đại chúng, bình dân, mà vài nhà nghiên cứu gần đây, gán cho là AT “lai căng”, “cải biên”, hay “chế biến” của BBSSCC (Ban biên soạn sách chữ Chăm-NVH chú thích”. Ông kết luận bài viết của mình:

“Chữ Chăm hiện nay đang sử dụng trong nhà trường là AT (có dấu) và trong giới chức sắc và văn bản chép tay là AT (lúc có, lúc không dấu), hoàn toàn không đối lập nhau, đều là AT truyền thống. Cũng tương tự như chữ Quốc ngữ đang được sử dụng là có dấu thì rõ ràng chân phương hơn. Hoàn toàn không có ký hiệu mới trong AT có dấu. Việc dùng AT có dấu triệt để, làm cho chính tả được nhất quán. Giúp cho thông điệp Chăm chuyển tải được trong sáng, rõ ràng. Đó là yếu tố rất cần thiết khi muốn áp dụng vào trường học thành công. Dạy cho trẻ em và người mới học theo hình thức chữ Chăm có dấu thì dễ dàng hơn cho người học, nhưng khi thành thạo rồi thì họ có thể sử dụng có dấu, hay không dấu tùy thích. Hai cách viết này hoàn toàn hỗ trợ và bổ sung cho nhau, có lợi cho việc bảo tồn và phát triển AT. Tuy nhiên, để đọc được những văn bản cổ viết tay (AT hàn lâm) thì vừa cần thành thạo chữ Chăm không dấu vừa cần biết ngữ nghĩa của thời đó thông qua từ điển AC 1906 và Moussay G. (GM 1971). Tất cả các yếu tố dấu dùng trong AT chỉnh lý của BBSSCC đều đã được sử dụng trong các từ điển, nhất là từ điển AC xuất bản cách đây non một trăm năm. AT có dấu chỉ làm một công việc là triệt để hóa những yếu tố dấu này cho nhất quán và chân phương, làm tăng thêm sự trong sáng, sức sống và sức phổ cập cho AT. Một thực tiễn hiển nhiên là hơn ba mươi năm qua, nhiều vạn người đọc thông và viết thạo AT và sử dụng được trong giao tiếp, và sáng tác. Xin hãy để con em chúng ta học tập bình yên, nhằm giữ lại cho muôn đời tiếng Chăm - DI SẢN CỦA TỔ TIÊN” [19].

Tuy nhiên, những cải tiến này không phải được tất cả trí thức Chăm thừa nhận. Có ý kiến cho rằng việc biên soạn sách theo chữ cải tiến là không phù hợp với hệ thống Akhar Thrah (chữ viết truyền thống) của họ. Theo Trương Văn Sô, một trí thức Chăm trẻ, thì “Một số trí thức Chăm cho rằng, việc cải biên của nhóm Ban biên soạn sách Chăm (BBSSC) khiến học sinh gặp khó khăn trong

việc thụ đắc ngôn chữ viết cha ông để lại, khó tiếp cận được các văn bản văn bản chép tay, trí thức của cha ông để lại” và “Tranh luận về Akhar thrah (ngôn ngữ viết) trong chương trình giáo dục tiểu học cho thấy rằng người Chăm rất quan tâm về vấn đề giáo dục cho thế hệ tương lai. Tuy nhiên tranh luận giữa hai bên, nhóm trí thức và nhóm BBSSC trong cộng đồng hơn hai thập niên qua tạo nên vết nứt, chia rẽ trong cộng đồng” [26].

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp nghiên cứu thực địa/ nghiên cứu điền dã*: Cũng như đối với việc nghiên cứu các ngôn ngữ dân tộc thiểu số khác, để thu thập tư liệu, tác giả đã đi nghiên cứu điền dã tại hai tỉnh có số đông người Chăm, đó là An Giang (thuộc nhóm Chăm Tây, điền dã ở xã Đa Phước, huyện An Phú) và Ninh Thuận (thuộc nhóm Chăm Đông, điền dã ở xã Phước Dân, huyện Ninh Phước). Bên cạnh việc xuống địa bàn các thôn bản để lấy phiếu điều tra phổ rộng, tác giả còn tiến hành các phỏng vấn sâu và tổ chức các buổi tọa đàm với lãnh đạo địa phương, trí thức dân tộc và người có uy tín.

- *Phương pháp phân tích định lượng*: sau khi được thu thập, các phiếu điều tra xử lý bằng chương trình số liệu SPSS, đây là phần mềm chuyên dùng được xem là một trong những phần mềm tốt nhất hiện nay để phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết.

- *Phương pháp phân tích định tính*: Các số liệu điều tra, cho dù được xử lý thế nào đi chăng nữa thì các kết quả định lượng cũng cần kết hợp với phỏng vấn sâu nhằm phân tích, luận giải những vấn đề liên quan đến tình hình sử dụng ngôn ngữ cũng như thái độ đối với ngôn ngữ và chữ viết của người Chăm, đặc biệt là thái độ đối với các bộ chữ Chăm khác nhau (trong tình trạng mà chúng tôi cho là có sự tranh chấp chữ viết của các bộ chữ Chăm), đánh giá các bộ chữ về khía cạnh khoa học của loại hình chữ viết ghi âm tiết. Việc phỏng vấn sâu về thực trạng, thái độ và nguyện vọng của người Chăm đối với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình được chúng tôi tiến hành với lãnh đạo địa phương (cấp huyện và cấp xã), trí thức và người Chăm có uy tín. Các kết quả này sẽ được tác giả nêu trong phần Kết quả nghiên cứu.

2.2. Tư liệu và phạm vi nghiên cứu

2.2.1. Tư liệu

Nghiên cứu sử dụng 300 phiếu tư liệu từ các cuộc điều tra, khảo sát tại xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang

và xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, mỗi xã 150 phiếu. Việc thu thập tư liệu được thực hiện qua các hình thức sau:

+ Điều tra xã hội học: Đây là cách điều tra theo bảng hỏi. Cụ thể, mỗi bảng hỏi có 66 chỉ số (câu hỏi). Bảng hỏi này được xây dựng thống nhất cho việc điều tra các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, gồm các thông tin chung của cộng tác viên và các câu hỏi có liên quan đến nội dung về thực trạng, thái độ và nguyện vọng của người Chăm đối với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Tác giả tuân thủ triệt để nguyên tắc điều tra, phỏng vấn trực tiếp, người điều tra gặp trực tiếp, mặt đối mặt với cộng tác viên và ghi các câu trả lời vào phiếu.

+ Phỏng vấn sâu: Với sự tư vấn của lãnh đạo địa phương, tác giả đã thực hiện phỏng vấn sâu một số lãnh đạo ở địa phương (xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang và xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận), người dân tộc có uy tín và trí thức người Chăm. Mục đích của phỏng vấn sâu là để tìm hiểu thêm những vấn đề không được thể hiện trong bảng hỏi, cũng như làm rõ thêm những thông tin có được qua phỏng vấn phổ rộng. Đặc biệt, do người Chăm có nhiều bộ chữ khác nhau nên việc phỏng vấn sâu còn nhằm mục đích có được ý kiến đánh giá của trí thức và lãnh đạo địa phương người Chăm về các bộ chữ này, cũng như tìm hiểu thêm các nhân tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn lựa chọn bộ chữ viết như là công cụ góp phần bảo tồn văn hóa dân tộc.

+ Tọa đàm khoa học: Đây là dịp để thu thập các ý kiến đánh giá, kiến nghị của các đại biểu, đại diện các ban ngành, tổ chức cũng như những người Chăm am hiểu về các chính sách, các quy định đối với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết dân tộc Chăm. Tác giả đã tổ chức được 2 buổi tọa đàm ở xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang và xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Một số thông tin về 300 cộng tác viên người Chăm tại xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang và xã Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận được thể hiện như dưới đây:

+ Về cơ cấu giới tính, trong số 300 cộng tác viên được khảo sát, có 193 cộng tác viên nam (chiếm 64,3%) và 107 cộng tác viên nữ (chiếm 35,7%). Có thể thấy tỷ lệ nam giới chiếm đa số.

+ Về cơ cấu lứa tuổi, trong số 300 cộng tác viên, có 22 cộng tác viên trong độ tuổi từ 18 đến 35 (chiếm 7,3%); 135 cộng tác viên từ 36 đến 55 tuổi (chiếm 45%) và 143 cộng tác viên trên 55 tuổi (chiếm 47,7%). Như vậy, có thể

thấy về cơ cấu độ tuổi, cộng tác viên trong độ tuổi từ 36 đến 55 và trên 55 tuổi chiếm tỷ lệ cao tương đương nhau. Tỷ lệ cộng tác viên trong độ tuổi từ 18 đến 35 chiếm tỷ lệ thấp.

+ Về trình độ học vấn, trong số 300 cộng tác viên được khảo sát, có 05 cộng tác viên mù chữ (chiếm 1,7%), 35 cộng tác viên học lớp xóa mù chữ (chiếm 11,7%), 50 cộng tác viên học đến tiểu học (chiếm 16,7%), 29 cộng tác viên học đến trung học cơ sở (chiếm 9,7%), 118 cộng tác viên học đến trung học phổ thông (chiếm 39,3%) và 63 cộng tác viên học cao đẳng, đại học (chiếm 21%). Tỷ lệ này về cơ bản phản ánh đúng cơ cấu hiện trạng trình độ học vấn của người Chăm. Theo đó, cộng tác viên học đến trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất; thấp nhất 1,7% là cộng tác viên mù chữ.

+ Về cơ cấu nghề nghiệp, có 97/300 cộng tác viên làm nông nghiệp (chiếm 32,3%), 6 công nhân (chiếm 2%), 22 công chức (chiếm 7,3%), 40 cộng tác viên buôn bán nhỏ lẻ (chiếm 13,3%). Số còn lại làm các công việc khác như nội trợ, giáo viên.... Cơ cấu này cũng phản ánh đúng thực trạng cơ cấu nghề nghiệp của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

+ Về đặc điểm tôn giáo, trong số 300 người được khảo sát, có 19/300 người (chiếm 6,3%) không theo tôn giáo nào; 170/300 người (chiếm 56,7%) Bà La Môn; 111/300 (chiếm 37%) hồi giáo.

Các thông tin về cơ cấu cộng tác viên (theo các tiêu chí về lứa tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tôn giáo) cho thấy sự phù hợp, đảm bảo tính đại diện của lượng mẫu thu thập.

2.2.2. Nội dung nghiên cứu

Thứ nhất, tác giả quan tâm đến những vấn đề chung về địa bàn cư trú, tiếng nói, chữ viết của người Chăm ở hai tỉnh An Giang và Ninh Thuận.

Thứ hai, tác giả xem xét cảnh huống ngôn ngữ Chăm ở hai tỉnh An Giang và Ninh Thuận, được xem là hai tỉnh có đông người Chăm. Trong số các thông số về cảnh huống ngôn ngữ, chúng tôi tập trung vào tình hình sử dụng, năng lực ngôn ngữ, thái độ và nguyện vọng của người Chăm đối với việc sử dụng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình.

Thứ ba, qua những kênh khác nhau, tác giả thu thập những mong muốn, nguyện vọng của người Chăm (gồm người Chăm bình thường và lãnh đạo địa phương người Chăm) đối với việc bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của Chăm.

Thứ tư, tác giả thảo luận về vấn đề lựa chọn bộ chữ viết Chăm trong tình hình có đến nhiều bộ chữ Chăm khác nhau. Đây là vấn đề có liên quan đến Quyết định số 53-CP ngày 22/02/1980 về việc xây dựng chữ viết của người dân tộc thiểu số và vấn đề lựa chọn chữ viết. Vấn đề này được chúng tôi khảo sát, thảo luận thông qua các tọa đàm và phỏng vấn sâu, không thể hiện trong kết quả điều tra của bảng hỏi.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Năng lực ngôn ngữ, chữ viết của người Chăm

Năng lực ngôn ngữ của người Chăm được khảo sát, nghiên cứu ở các bình diện là *nghe - nói* và *đọc - viết*.

Năng lực ngôn ngữ của người Chăm được tác giả tìm hiểu thông qua việc sử dụng câu hỏi “*Ông/bà/anh/chị có thể nói được những tiếng nào?*”

Kết quả thống kê tư liệu như thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Kết quả thống kê năng lực ngôn ngữ của người Chăm

Tiếng	Có	Không
Chăm	300 (100%)	0 (0%)
Phổ thông	300 (100%)	0 (0%)
Dân tộc khác	111 (37%)	189 (63%)
Ngoại ngữ	43 (14,3%)	257 (85,7%)

Bảng 3 cho thấy, 100% người dân tộc Chăm có thể nói được tiếng mẹ đẻ và tiếng phổ thông. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng cho thấy có tới 111/300 (chiếm 37%) người Chăm có thể nói được một số ngôn ngữ khác; một số ít có thể nói được Ngoại ngữ là 43/300 (chiếm 14,3%) trong số người được hỏi.

Nhìn chung, xét về mặt năng lực ngôn ngữ, có thể nói đa phần cư dân Chăm phân bố ở các tỉnh An Giang và Ninh Thuận đều có thể nói được hai thứ tiếng là Chăm và tiếng phổ thông. Một số rất ít có thể nói được ba thứ tiếng. Kết quả khảo sát cho thấy xu hướng song ngữ Chăm và tiếng phổ thông là phổ biến nhất trong cộng đồng người Chăm. Xu hướng đa ngữ chiếm tỷ lệ tương đối cao.

Bảng 4. Đánh giá về ngôn ngữ thành thạo

Tiếng	Thạo nhất	Thạo nhì	Thạo ba	Ít thạo nhất
Chăm	300 (100%)	0	0	0
Phổ thông	241 (80,3%)	59 (19,7%)	0	0
Tiếng dân tộc khác	1 (0,3%)	90 (30%)	13 (4,3%)	3 (1%)

Đánh giá về ngôn ngữ thành thạo trong so sánh giữa tiếng mẹ đẻ (Chăm), tiếng phổ thông và tiếng dân tộc khác kết quả khảo sát được thể hiện trong bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy, người dân thạo nhất vẫn là tiếng mẹ đẻ, chiếm tỷ lệ 100%, trong khi đó với 300/300 người có thể nói được tiếng phổ thông thì có 241 người thông thạo nhất, còn lại 59/300 (chiếm 19,7%) thạo nhì. Trong số 111 người nói được tiếng dân tộc khác thì có 1 người thông thạo nhất, 90 người ở mức thạo nhì, 13 người thạo ở mức ba, 3 người ít thạo nhất, như vậy có 4 người không trả lời.

Dựa trên thang độ đánh giá về năng lực ngôn ngữ phổ biến, tác giả đã đưa ra 05 mức đánh giá năng lực ngôn ngữ dưới đây theo thứ tự tăng dần vào bảng hỏi:

Mức 1	Có thể nói được vài câu đơn giản như câu chào, giới thiệu tên nhưng không hiểu người khác nói
Mức 2	Có thể hiểu và trả lời được những câu hỏi đơn giản như tên, tuổi, quê quán...
Mức 3	Có thể chỉ đường cho người lạ
Mức 4	Có thể kể chi tiết về cuộc sống, gia đình, công việc...
Mức 5	Có thể tranh luận và cãi nhau

Kết quả thống kê tư liệu đối với năng lực ngôn ngữ của người Chăm đối với các ngôn ngữ phổ thông, dân tộc khác theo thang độ 05 bậc nêu trên cho kết quả như bảng 5.

Bảng 5. Mức năng lực ngôn ngữ của người Chăm đối với các ngôn ngữ phổ thông, dân tộc khác

Tiếng	Mức 5	Mức 4	Mức 3	Mức 2	Mức 1
Chăm (300 người)	300 (100%)				
Phổ thông (300 người)	226 (75,3%)	66 (22%)	8 (2,7%)		
Dân tộc khác (111 người)	4 (3,6)	30 (27%)	71 (64%)	4 (3,6)	2 (1,8%)

Kết quả bảng 5 cho thấy, 100% cộng tác viên được khảo sát thạo nhất tiếng Chăm, họ có thể tranh luận và cãi nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Đối với tiếng phổ thông cũng có mức năng lực ngôn ngữ tương đối cao, trong số 300 người thông thạo tiếng phổ thông thì có tới 226 người có thể tranh luận, có 66 người có thể kể chi tiết về cuộc sống, gia đình của mình, một số ít còn lại chủ yếu trả lời những câu hỏi đơn giản như tên tuổi, chỉ đường... Đối với ngôn ngữ các dân tộc khác, trong số 111 người

biết tiếng dân tộc khác có 4 người có thể tranh luận, 30 người có thể kể về cuộc sống, 71 người chỉ đường cho người lạ, 2 người nói những câu đơn giản bằng tiếng dân tộc khác.

Nhìn chung, người Chăm có năng lực cao đối với tiếng Chăm và tiếng phổ thông. Xu hướng đa ngữ cũng rất phổ biến.

Về năng lực đối với chữ viết: Tỷ lệ biết đọc, biết viết tiếng Chăm và tiếng phổ thông tương đối cao như thể hiện trong bảng 6.

Bảng 6. Năng lực đối với chữ viết

	Biết đọc	Không biết đọc	Biết viết	Không biết viết
Chăm	247 (82,3%)	53 (17,7%)	166 (55,3%)	134 (44,7%)
Phổ thông	290 (96,7%)	10 (3,3%)	285 (95%)	15 (5%)
Chữ viết dân tộc khác (111)	10 (9%)	101 (91%)	2 (1,8%)	99 (89,2%)

Trong số những cộng tác viên biết đọc, biết viết tác giả đã khảo sát về việc học đọc, học viết ở đâu, kết quả như thể hiện trong bảng 7.

Bảng 7. Kết quả khảo sát về việc học đọc, học viết

	Phổ thông (290 biết đọc)	Chăm (247 biết đọc)	Dân tộc khác (10 biết đọc)
Học ở gia đình	0	0	1
Học ở nhà trường	252	105	1
Học ở nhà thờ	0	6	0
Học ở nơi khác	38	136	8

Qua số liệu bảng 7 cho thấy, đa số người dân tộc Chăm biết đọc, biết viết tiếng phổ thông thông qua việc học ở nhà trường. Ngoài ra, một số ít biết đọc, viết tiếng phổ thông ở một số nơi khác (đại phương tổ chức các lớp xóa mù). Đối với tiếng mẹ đẻ, có 105 người biết chữ thông qua nhà trường, 136 người biết chữ qua một số nơi khác, một số rất ít thông qua nhà thờ.

3.2. Tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết

Tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết được hiểu là sự hiện thực hóa các chức năng ngôn ngữ, chữ viết được thực hiện bởi một cá nhân hay một cộng đồng ngôn ngữ nào đó. Sự hiện thực hóa các chức năng của ngôn ngữ, chữ viết được thể hiện ở các bối cảnh sử dụng ngôn ngữ (domains of language use). Theo đó, Fishman đưa ra 05 bối cảnh sử dụng ngôn ngữ, chữ viết cơ bản như sau:

a) trong gia đình; b) với bạn bè; c) trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng; d) trong hoạt động giáo dục; e) trong hoạt động nghề nghiệp.

Tuy nhiên, trên cơ sở thực tế cảnh huống ngôn ngữ ở Việt Nam, khi hiện thực hóa việc khảo sát tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của người Chăm ở tỉnh An Giang, Ninh Thuận, chúng tôi khảo sát tình hình sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của người Chăm ở các bối cảnh sau đây: trong gia đình, trong giao tiếp với hàng xóm, trong giao tiếp với người dân tộc khác, trong giao tiếp ở chợ, trong giờ họp phụ huynh ở trường, trong các cuộc họp ở thôn, xã, trong hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và ở nơi làm việc.

Đối với tình hình sử dụng ngôn ngữ trong gia đình, tác giả khảo sát ngôn ngữ được sử dụng trong giao tiếp với bố/mẹ, vợ/chồng và con cái.

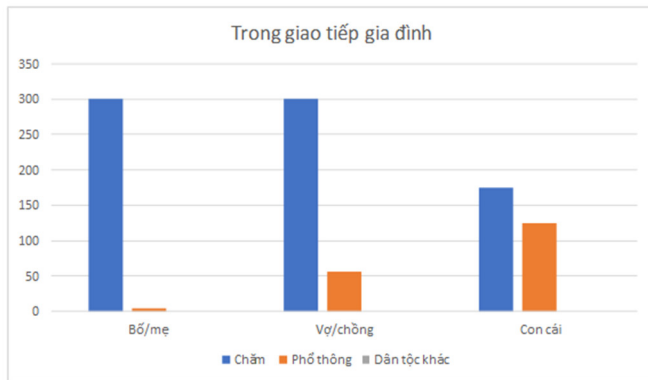
Kết quả xử lý tư liệu như được thể hiện trong bảng 8.

Bảng 8. Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong gia đình

Đối tượng Bối cảnh... Ngôn ngữ	Chăm		Phổ thông		Dân tộc khác	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Bố/mẹ	300	100,00	4	1,33		
Vợ/chồng	300	100,00	57	19,00		
Con cái	175	58,33	125	41,67		
Hàng xóm	295	98,33	42	14,00	0	0,00
Ở chợ	224	74,67	269	89,67	1	0,33
Người dân tộc khác	2	0,67	296	98,67	19	6,33
Thờ cúng	297	99,00	3	1,00		0,00
Ghi chép hàng ngày	23	7,67	254	84,67	0	
Họp thôn/bản	235	78,33	172	57,33	1	0,35
Họp ở xã	62	20,67	260	86,67		0,00
Trong giờ họp phụ huynh (264 CTV)	11	4,17	255	96,59		
Đồng nghiệp cùng dân tộc (146 CTV)	145	99,32	60	41,10		0,00
Đồng nghiệp khác dân tộc (146 CTV)	3	2,05	145	99,32		0,00

Kết quả xử lý tư liệu thu thập cho thấy, giao tiếp với vợ/chồng, bố/mẹ: 100% người Chăm sử dụng tiếng mẹ đẻ, một số ít sử dụng tiếng phổ thông, tỷ lệ tăng dần từ thế hệ bố/mẹ (1,33%) đến thế hệ vợ/chồng (19%).

Đối với giao tiếp với con cái tỷ lệ sử dụng tiếng mẹ đẻ có giảm mạnh (58,33%) và tỷ lệ sử dụng tiếng phổ thông tăng cao (41,67%). Tỷ lệ này mặc dù chưa cao nhưng có thể thấy xu hướng song ngữ đang tăng dần qua các thế hệ. Điều này thể hiện qua biểu đồ hình 1.



Hình 1. Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp gia đình

Có thể thấy, xét về đối tượng giao tiếp trong gia đình, xu hướng sử dụng tiếng phổ thông trái ngược với xu hướng sử dụng tiếng Chăm. Cụ thể là người Chăm có xu hướng sử dụng tiếng phổ thông nhiều nhất với con cái và ít nhất với bố/mẹ. Ngược lại, họ có xu hướng sử dụng tiếng Chăm nhiều nhất với bố/mẹ và ít nhất với con cái. Không có trường hợp sử dụng xen kẽ cả tiếng dân tộc khác để giao tiếp.

+ Đối với đối tượng giao tiếp là hàng xóm: kết quả khảo sát cho thấy người Chăm chủ yếu sử dụng tiếng Chăm để giao tiếp với 295/300 người (chiếm 98,3%); chỉ một số ít (42/300, chiếm 14%) sử dụng tiếng phổ thông để giao tiếp.

+ Nếu như các thành viên trong gia đình và hàng xóm là các đối tượng giao tiếp tương đối thuần nhất về mặt thành phần dân tộc thì ở chợ lại là môi trường giao tiếp có xu hướng đa ngữ. Điều này được phản ánh rõ trong thực trạng sử dụng ngôn ngữ ở chợ với tỉ lệ sử dụng tiếng Chăm là 224/300 người (chiếm 74,7%), tiếng phổ thông là 269/300 (chiếm 89,7%); tiếng dân tộc khác là 1/300 (chiếm 0,3%). Có thể thấy giao tiếp ở môi trường chợ có sự vượt trội của tiếng phổ thông.

+ Khi giao tiếp với người dân tộc khác thì đa số giao tiếp bằng tiếng phổ thông với 296/300 người (chiếm 98,7%). Một số ít giao tiếp bằng tiếng Chăm (chiếm 0,7%) và 19/300 (chiếm 6,3%) giao tiếp bằng tiếng dân tộc khác.

+ Thờ cúng là một trong những hoạt động tín ngưỡng mang tính đặc thù, nhằm bảo tồn văn hóa, di sản của mỗi dân tộc. Kết quả khảo sát 300 cộng tác viên cho thấy 297/300 người Chăm (chiếm 99%) sử dụng tiếng mẹ đẻ trong việc thờ cúng. Chỉ có 3/300 (chiếm 1%) sử dụng tiếng phổ thông để thờ cúng.

+ Đối với ngôn ngữ được sử dụng trong bối cảnh ghi chép hàng ngày: Trong số 300 cộng tác viên, có 166 CTV biết chữ Chăm, 285 CTV biết chữ phổ thông. Kết quả khảo sát về việc sử dụng ngôn ngữ gì để ghi chép hàng ngày cho thấy 23/166 người biết chữ Chăm sử dụng chữ Chăm

để ghi chép và 254/185 người biết chữ phổ thông đã sử dụng chữ phổ thông để ghi chép hàng ngày. Điều này cho thấy sự vượt trội của tiếng phổ thông trong việc ghi chép nhờ sự thuận tiện, cũng như tính phổ biến của tiếng phổ thông phục vụ nhu cầu cuộc sống hàng ngày như học tập, làm việc...

+ Việc sử dụng ngôn ngữ trong các cuộc họp ở thôn bản, ở xã hay họp phụ huynh ở trường học:

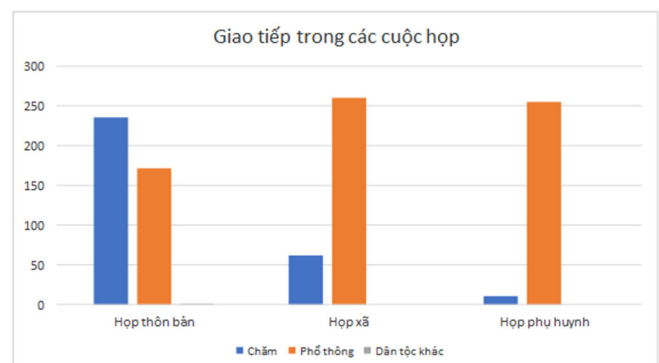
Họp tại thôn bản: có 235/300 (chiếm 78,3%) sử dụng tiếng mẹ đẻ để giao tiếp; 172/300 (chiếm 57,3%) sử dụng tiếng phổ thông; có 1/300 (chiếm 0,3%) không trả lời. Điều này cho thấy ở cấp họp thôn bản có xu hướng dùng xen kẽ các ngôn ngữ trong giao tiếp, gồm tiếng Chăm và tiếng phổ thông.

Họp tại xã: có 62/300 người (chiếm 20,7%) sử dụng tiếng mẹ đẻ; 260/300 người (chiếm 86,7%) sử dụng tiếng phổ thông để giao tiếp. Tỷ lệ này cũng phần nào đánh giá được thực trạng chung về việc sử dụng ngôn ngữ phổ thông là chính trong giao tiếp ở cấp xã.

Họp phụ huynh ở trường học: Trong số 300 cộng tác viên được hỏi thì có 264 cộng tác viên có tham gia các cuộc họp phụ huynh. Trong số này, có 11/264 người (chiếm 4,2%) giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; có 255/264 (chiếm 96,6%) sử dụng tiếng phổ thông. Như vậy có thể thấy giao tiếp trong cuộc họp phụ huynh cũng có chung xu hướng như các cuộc họp trên là đều sử dụng tiếng phổ thông là chính, có xen kẽ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp.

Tuy nhiên giữa các môi trường họp cũng có sự khác biệt rõ rệt. Cụ thể, xu hướng sử dụng tiếng phổ thông để giao tiếp tăng dần từ cấp thôn bản chiếm tỷ lệ tăng dần từ 57,3% đến 96,6%. Ngược lại, xu hướng sử dụng tiếng mẹ đẻ lại giảm dần từ 78,3% xuống còn 4,17%. Trong tất cả các cuộc họp việc sử dụng tiếng dân tộc khác chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

Điều này thể hiện rõ qua biểu đồ hình 2.



Hình 2. Tình hình sử dụng ngôn ngữ giao tiếp trong các cuộc họp

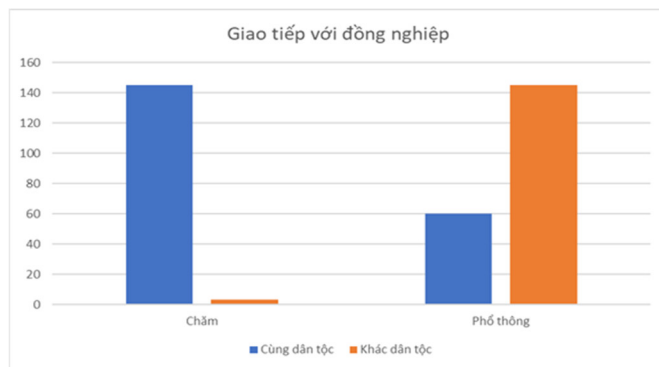
+ Trong giao tiếp với các đồng nghiệp tại nơi làm việc: có 146/300 cộng tác viên được hỏi có giao tiếp với các

đồng nghiệp (bao gồm: công nhân, buôn bán, giáo viên, bộ đội, công nhân, hoặc một số nông dân có làm thêm...).

Đối với đồng nghiệp cùng dân tộc, xu hướng giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ chiếm tỷ lệ 99,3% với 145/146 người; có xen kẽ sử dụng tiếng phổ thông là 41,1% (60/146 người).

Đối với đồng nghiệp khác dân tộc, có sự khác biệt về ngôn ngữ nên việc giao tiếp sử dụng tiếng phổ thông là 99,3% (145/146 cộng tác viên). Có 3/146 (chiếm 2%) người giao tiếp xen kẽ tiếng Chăm nhưng chỉ sử dụng những từ thông dụng, đơn giản, dễ hiểu.

Điều này được thể hiện qua biểu đồ hình 3.



Hình 3. Tình hình sử dụng ngôn ngữ giao tiếp với đồng nghiệp

Qua kết quả trên có thể khẳng định thành phần dân tộc của các đồng nghiệp có tác động lớn đến ngôn ngữ được sử dụng.

Nhìn chung, kết quả khảo sát về tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Chăm ở tỉnh An Giang và Ninh Thuận cho thấy sự phân vùng chức năng khá rõ rệt giữa tiếng Chăm và tiếng phổ thông. Nếu như trong các bối cảnh giao tiếp trong gia đình, trong cộng đồng đồng tộc (kể cả cuộc họp thôn/bản) hay thờ cúng, người Chăm vẫn chủ yếu chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ. Trong khi đó, ở môi trường công cộng thì ngôn ngữ được sử dụng chính là tiếng phổ thông, đây được xem là phương tiện giao tiếp chung giữa các dân tộc.

3.3. Thái độ đối với ngôn ngữ, chữ viết

Đo lường thái độ ngôn ngữ thông qua việc tìm hiểu mức độ hài lòng của người bản ngữ đối với tiếng nói và chữ viết Chăm và ý thức của một cộng đồng về sự cần thiết hay không cần thiết của một ngôn ngữ nào đó trong các lĩnh vực khác nhau trong đời sống của họ.

Bảng 9. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng về chữ Chăm của người Chăm

	Có	Không	Không biết
Ông/bà có hài lòng về chữ Chăm không?	234 (78%)	7 (2,3%)	59 (19,7%)

Trong số 300 cộng tác viên được khảo sát, có 285 cộng tác viên biết chữ phổ thông, có 166 cộng tác viên biết chữ dân tộc Chăm. Để đánh giá mức độ hài lòng về chữ Chăm của người Chăm ở các tỉnh An Giang và Ninh Thuận tác giả sử dụng câu hỏi trực tiếp "Ông/bà có hài lòng với chữ viết dân tộc mình không?". Kết quả thu được như thể hiện trong bảng 9.

Có thể thấy, trong số 166 cộng tác viên biết chữ dân tộc Chăm, nhưng có tới 234 người (chiếm 78%) thể hiện quan điểm hài lòng với chữ Chăm, như vậy có 68 người không biết chữ Chăm nhưng vẫn thể hiện quan điểm hài lòng. Điều này có thể thấy người Chăm hài lòng với chữ viết Chăm mang tính chủ quan cá nhân, họ đánh giá trên cơ sở đây là chữ viết dân tộc mình, là di sản văn hóa của dân tộc nên họ hài lòng chữ viết của dân tộc mình, sự hài lòng không xuất phát từ sự phù hợp hay không phù hợp với mức độ khoa học của bộ chữ Chăm.

Bên cạnh đó có tới 59 người (chiếm 19,7%) thể hiện quan điểm không biết và 7 người không hài lòng với lý do họ không biết chữ Chăm, không được tiếp xúc với chữ Chăm nên không thể đánh giá được.

Liên quan tới việc vẫn còn một phần lớn người dân tộc Chăm không biết chữ viết dân tộc mình, tác giả đã hỏi về việc ở địa phương có mở lớp dạy đọc, viết chữ viết dân tộc mình, ông/bà có đi học hay không và kết quả như thể hiện trong bảng 10.

Bảng 10. Kết quả khảo sát về nhu cầu lớp dạy đọc, viết chữ viết

	Có	Đi học nếu có thời gian	Không/ có lẽ không
Nếu ở làng có mở lớp dạy đọc dạy viết bằng chữ dân tộc mình	212 (70,7%)	50 (16,7%)	38 (12,6%)

Từ số liệu trên có thể thấy được đa số cộng tác viên đều muốn đi học với 212/300 cộng tác viên (chiếm 90%), trong số đó cũng có một số cộng tác viên mặc dù đã biết chữ Chăm nhưng vẫn muốn tiếp tục theo học. Có 50/300 cộng tác viên (chiếm 16,7%) nếu có thời gian thì mới đi học được. Số còn lại là 38/300 (chiếm 12,6%) không đi học, trong số này có một số đã biết đến chữ Chăm, đang dạy chữ Chăm, số còn lại do quá nhiều tuổi hoặc không có thời gian không thể theo học được.

Đối với những người mong muốn được đi học, nguyên nhân chủ yếu được đưa ra là để bảo tồn văn hóa truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc mình. Trong khi đó, đối với những người không muốn học chữ Chăm, nguyên nhân đa dạng hơn, bao gồm nguyên nhân về giới tính, lứa tuổi, thời gian hay một phần đã biết đến chữ Chăm, đang giảng dạy chữ Chăm nên không có nhu cầu theo học.

Về thái độ đối với việc dùng tiếng dân tộc của giới trẻ bây giờ: Có 245/300 (chiếm 81,7%) trả lời "có"; số còn lại 55/300 (chiếm 18,3%) trả lời "không" với lý do giới trẻ đi học, đi làm chủ yếu giao tiếp bằng tiếng phổ thông, chỉ sử dụng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp trong gia đình, nên phần nào đây có xu hướng giảm dần và không được tốt như những người lớn tuổi.

Đối với nguyện vọng có cần biết nói, đọc, viết tiếng dân tộc mình, tác giả đã khảo sát được kết quả như thể hiện trong bảng 11.

Bảng 11. Kết quả khảo sát nguyện vọng cần biết nói, đọc, viết tiếng dân tộc mình

	Có	Không	Khó trả lời
Dân tộc mình có cần biết nói tiếng dân tộc mình không	300 (100%)	0	
Dân tộc mình có cần biết đọc chữ dân tộc mình không	291 (97%)	9 (3%)	
Dân tộc mình có cần biết viết chữ dân tộc mình không	291 (97%)	9 (3%)	

Qua kết quả trên có thể thấy, đa số người dân tộc Chăm đều cho rằng cần phải biết nói, biết đọc, biết viết tiếng dân tộc mình với lý do để bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo tồn tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình để biết và hiểu hơn về dân tộc mình.

Đối với việc học tiếng phổ thông và học tiếng Chăm thì cái nào quan trọng hơn, kết quả thống kê như thể hiện trong bảng 12.

Bảng 12. Kết quả khảo sát tầm quan trọng của việc học tiếng phổ thông và học tiếng Chăm

	Có	Không chắc chắn	Không	Không biết
Học nói tiếng phổ thông quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	16 (5,3%)	23 (7,7%)	260 (86,7%)	1 (0,3%)
Học nói tiếng dân tộc khác trong vùng quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	1 (0,3%)	9 (3%)	290 (96,7%)	0
Học nói tiếng nước ngoài quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?	5 (1,7%)	20 (6,7%)	275 (91,7%)	0

Qua kết quả khảo sát cho thấy, chỉ có 16/300 cộng tác viên (chiếm 5,3%) cho rằng việc học tiếng phổ thông quan trọng hơn việc học tiếng Chăm. Họ coi tiếng phổ thông là phương tiện giao tiếp phục vụ việc học tập, mưu sinh. Trong khi đó có 23/300, chiếm 7,7% trả lời

không chắc chắn, 260/300 (chiếm 86,7%) lựa chọn phương án là "không", số còn lại là 1/300, chiếm 0,3% lựa chọn phương án "không biết". Với 260/300 câu trả lời "không" cho câu hỏi "Học nói tiếng phổ thông quan trọng hơn học nói tiếng dân tộc mình không?", có thể thấy đa số người Chăm cho rằng cả hai thứ tiếng đều quan trọng như nhau.

Bên cạnh đó, đại đa số cộng tác viên 290/300 (chiếm 96,7%) khẳng định học tiếng dân tộc khác trong vùng "không" quan trọng bằng học tiếng dân tộc mình. Đồng thời khi được hỏi về tầm quan trọng của việc học tiếng nước ngoài so với tiếng dân tộc mình, đại đa số vẫn thiên về lựa chọn phương án "không" với 275/300 cộng tác viên (chiếm 91,7%), có nghĩa là khẳng định học tiếng nước ngoài không quan trọng hơn học tiếng dân tộc mình, với lý do cả hai đều quan trọng như nhau. Một số ít 5/300 (chiếm 1,7%) có quan điểm là học tiếng nước ngoài quan trọng hơn, vì việc học tiếng nước ngoài nhằm mục đích hội nhập, phát triển, có cơ hội tiếp xúc với người nước ngoài.

Đối với sự cần thiết có các chương trình truyền thông bằng tiếng Chăm, tác giả đã khảo sát mức độ xem ti vi bằng tiếng dân tộc và đánh giá sự cần thiết có/không?

Kết quả khảo sát như được thể hiện trong bảng 13.

Bảng 13. Kết quả khảo sát mức độ xem ti vi bằng tiếng dân tộc

	Hàng ngày	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Mức độ xem TV bằng tiếng dân tộc mình?	64 (21,3%)	61 (20,3)	74 (24,7%)	17 (5,7%)	84 (28%)

Có thể thấy tỷ lệ người dân tộc Chăm xem tivi bằng tiếng dân tộc mình tương đối cao với 199/300 (bao gồm mức độ xem hàng ngày, thường xuyên và thỉnh thoảng xem); tỷ lệ không bao giờ xem chiếm 28%. Cơ bản những người xem đều hiểu phần lớn nội dung phát sóng.

Bên cạnh việc khảo sát mức độ xem tivi, tác giả đã khảo sát về sự cần thiết phải có chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc mình không?

Kết quả như được thể hiện trong bảng 14.

Bảng 14. Kết quả khảo sát về sự cần thiết phải có chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc

	Có	Không chắc chắn	Không	Không biết
Cần có chương trình truyền hình bằng tiếng dân tộc mình không?	291 (97%)	7 (2,3%)	1 (0,3%)	1 (0,3%)

Qua khảo sát cho thấy, có 291/300 người được hỏi (chiếm 97%) đều mong muốn tiếng Chăm được phát

sóng trên đài phát thanh, đài truyền hình ở địa phương. Đa số những người trả lời không với lý do nhà không có tivi hoặc không có thời gian để nghe, để xem.

Bảng 15. Kết quả về vấn đề bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Chăm

	Đồng ý	Không chắc chắn	Không đồng ý	Không biết
Cần có chữ viết để bảo tồn văn hóa dân tộc mình	300 (100%)	0	0	0
Cần có chữ viết để bảo tồn tiếng nói dân tộc mình	299 (99,7%)	0	1 (0,33%)	0
Cần dạy tiếng dân tộc mình trong nhà trường	299 (99,7%)	0	1 (0,33%)	0
Cần sử dụng tiếng dân tộc mình cùng với tiếng Việt trong dạy học ở tiểu học	299 (99,7%)	0	1 (0,33%)	0

Tim hiểu ý kiến của người Chăm về vấn đề bảo tồn tiếng nói, chữ viết dân tộc Chăm, kết quả khảo sát như thể hiện trên bảng 15.

Qua số liệu bảng 15 cho thấy, người dân tộc Chăm mong muốn cần có chữ viết để bảo tồn văn hóa, bảo tồn tiếng nói dân tộc mình. Đồng thời họ cũng mong muốn tiếng dân tộc mình được dạy trong nhà trường. Đây là một tín hiệu tích cực, thuận lợi cho công tác gìn giữ, bảo tồn tiếng nói, chữ viết của dân tộc Chăm. Bên cạnh đó, người Chăm cũng nhận thức rằng tiếng Việt (tiếng phổ thông) chính là phương tiện ngôn ngữ chính giúp họ làm việc, hội nhập và phát triển.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Những kết quả khảo sát về tình hình sử dụng ngôn ngữ và thái độ ngôn ngữ của người Chăm cho thấy tình trạng song ngữ (Chăm - Việt) của người rất tốt, tiếng Chăm là ngôn ngữ an toàn, tức không phải là ngôn ngữ có nguy cơ mai một. Phần lớn người Chăm có thể sử dụng thành thạo cả tiếng mẹ đẻ lẫn tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày.

Từ những kết quả của cuộc khảo sát và qua phỏng vấn sâu, tác giả kiến nghị một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần giữ gìn và phát huy giá trị của các bộ chữ Chăm, gồm chữ Chăm ở Ninh Thuận và chữ Chăm ở An Giang. Tuy nhiên, trong việc lựa chọn chữ Chăm để đưa vào biên soạn sách giáo khoa mới (theo chương trình phổ thông được phê duyệt năm 2018) cần khẳng định chọn chữ Chăm phổ biến ở Ninh Thuận, là chữ Akhar Thrah, đây được coi là chữ Chăm cổ truyền phổ biến nhất của người Chăm. Theo khảo sát của chúng tôi, có nhiều trí thức Chăm ủng hộ việc sử dụng chữ Akhar Thrah cải tiến (có

dấu). Sự lựa chọn hợp lý này sẽ giúp hạn chế vấn đề xung đột hay cạnh tranh chữ viết, được thấy ở một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam có hơn một bộ chữ viết như người Mông, người Cơ Tu, người Raglai, người Thái và người Bru Vân Kiều ở Việt Nam.

Kiến nghị này được tác giả rút ra trong các cuộc tọa đàm, phỏng vấn sâu với lãnh đạo địa phương và tri thức người Chăm, không thể hiện trong bảng phỏng vấn sâu.

Thứ hai, về việc phổ biến tiếng Kinh trong cộng đồng Chăm

Tiếng Việt được Hiến pháp năm 2013 khẳng định là ngôn ngữ quốc gia. Vì thế việc học tiếng Việt cũng là một vấn đề cần được quan tâm đối với người Chăm. Các ý kiến thu thập được qua khảo sát của chúng tôi ở hai tỉnh An Giang và Ninh Thuận cho thấy tiếng Việt là ngôn ngữ rất quan trọng trong giao tiếp hàng ngày, vì thế việc phổ biến, dạy tiếng Việt là cần thiết; giúp cho việc giao lưu văn hoá, truyền bá kiến thức giữa các dân tộc với nhau dễ dàng hơn.

Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc bảo tồn tiếng nói, chữ viết người dân tộc. Tuy nhiên, tình hình cũng giống như đối với các dân tộc thiểu số khác, chúng ta gặp lại nan đề là nếu quá chú trọng việc bảo tồn Chăm thì người Chăm cũng sẽ mất đi cơ hội học tiếng Việt. Trong thực tế, nhiều nơi có hiện tượng học sinh người dân tộc “ngồi nhầm lớp”, tức không theo được chương trình tiếng Việt. Đây là một vấn đề cần đặc biệt lưu ý. Về vấn đề này, cần tham khảo kết quả nghiên cứu của đề tài “Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học vùng Tây Bắc”, do Ngô Thị Thanh Quý làm chủ trì. Đề tài đã được nghiệm thu và một phần kết quả đã được in thành sách “Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học vùng Tây Bắc” (NXB Đại học Thái Nguyên) [2]. Theo tác giả, cuốn sách này có thể tham khảo để nâng cao năng lực tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số ở các vùng khác, trong đó có học sinh người Chăm.

LỜI CẢM ƠN VÀ GHI CHÚ

Bài báo này được hai trí thức Chăm, thuộc hai thế hệ, là Inra Sara và Trương Văn Sô đọc và góp ý. Tác giả xin chân thành cảm ơn.

Nghiên cứu này nằm trong đề tài cấp nhà nước, Mã số của đề tài: ĐTĐL.XH - 06/19 được thực hiện trong thời gian 2019-2022. Nội dung bài báo chưa được công bố trên các ấn phẩm nào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Colin Baker, *Những cơ sở của giáo dục song ngữ và vấn đề song ngữ*. NXB ĐHQG, TP. Hồ Chí Minh, 2008.
- [2]. Ngô Thị Thanh Quý, Nguyễn Chí Hoà, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trần Thị Ngọc Anh, *Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số cấp tiểu học vùng Tây Bắc*. NXB Đại học Thái Nguyên, 2018.
- [3]. Blood D. L., "Phonological units in Cham," *Anthropological Linguistics*, 9, 8, 15-32, 1967.
- [4]. Blood D. W., "Reflexes of Proto-Malayo-Polynesian in Cham," *Anthropological Linguistics*, 4, 9, 11-2, 1962.
- [5]. Blood, Doris E., "The Script as a Cohesive Factor in Cham Society," In *Notes from Indochina on ethnic minority cultures*. Ed. Marilyn Gregerson, 35-44, 1980.
- [6]. Chữ viết Chăm, 2022. In Wikipedia. https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_v%E1%BA%Bf_Ch%C4%83m.
- [7]. Claude Jacques, "The Use of Sanskrit in the Khmer and Cham Inscriptions," In *Sanskrit Outside India*, 7, 5-12). Leiden: Panels of the VIIth World Sanskrit Conference. 1991.
- [8]. Coulmas F., *Writing Systems-An Introduction to their Linguistic Analysis*. Cambridge University Press, 2003.
- [9]. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2000.
- [10]. Frost Ram, "Orthography and phonology: the psychological reality of orthographic depth," in: Pamela Downing, Susan D. Lima and Michael Noonan (eds.), *The Linguistics of Literacy*. Amsterdam: John Benjamins, 255-74, 1992.
- [11]. Hoàng Văn Ma, *Ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam – Một số vấn đề về quan hệ cội nguồn và loại hình học*. NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.
- [12]. Maddieson I., *Patterns of Sounds*. Cambridge: Cambridge University Press, 1984.
- [13]. Minh Hiền, *Scientific Forum: "Let's do Justice to Alexandre de Rhodes"*. In Vietnam Social Sciences, 1994.
- [14]. Nguyễn Hữu Hoàng, "Tình hình sử dụng tiếng nói, chữ viết DTTS trong lĩnh vực văn hóa - thông tin," *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, 11, 2001.
- [15]. Nguyễn Hữu Hoàng (chủ biên), Nguyễn Văn Lợi, Tạ Văn Thông, *Ngôn ngữ chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (những vấn đề chung)*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2013.
- [16]. Nguyễn Văn Khang, "Một số vấn đề về đời sống tiếng Chăm ở Việt Nam hiện nay," *Tạp chí Ngôn ngữ*, 1, 2012.
- [17]. Nguyễn Văn Lợi, "Một số vấn đề về chính sách ngôn ngữ DTTS ở nước ta hiện nay," *Tạp chí Dân tộc học*, 3, 1999.
- [18]. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp, *Văn hóa Chăm*. NXB Khoa học Xã hội, 1991.
- [19]. Quang Cẩn, *Chữ Chăm Akhar thrah của Ban Biên soạn sách chữ Chăm có trong Từ điển Aymonier – Cabaton, là di sản của tổ tiên*. 2019. <http://inrasara.com/2012/11/20/quang-can-chu-cham-akhar-thrah-cua-ban-bien-soan-sach-chu-cham-co-trong-tu-dien-aymonier-cabaton-la-di-san-cua-to-tien/>
- [20]. Tạ Văn Thông, "Bảo tồn ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam trước nguy cơ tiêu vong," *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, 10, 2010.
- [21]. Thurgood G., "From Ancient Cham to Modern Dialects: Two Thousand Years of Language Contact and Change," *Oceanic Linguistics Special Publication*, No. 28. Honolulu: University of Hawaii Press, 1999.
- [22]. Trần Trí Dõi, *Các họ ngôn ngữ ở Việt Nam (The language Families in Vietnam)*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2015.
- [23]. Ueki Kaori, *Prosody and Intonation of Western Cham*. Ph.D. thesis, University of Hawai'i at Mānoa. 2011.
- [24]. Trần Trí Dõi, *Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam (Language of ethnic minorities in Vietnam)*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2016.
- [25]. Trần Trí Dõi, *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ vùng dân tộc thiểu số Việt Nam (Language policy and Education in Ethnic minorities region of Vietnam)*. NXB. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [26]. Trương Văn Sô, *Từ Akhar Thrah đến vấn đề thụ đắc ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh dân tộc Chăm ở bậc tiểu học*. Tiểu luận cao học, Trường Đại học Khoa học Xã hội Nhân văn Hà Nội, 2022.
- [27]. Yunxia Zhu, *Written Communication across Cultures*. John Benjamins Publishing Company, 2005.
- [28]. Viện Ngôn ngữ học, *Những vấn đề chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB. Khoa học Xã hội, 1993.
- [29]. Viện Ngôn ngữ học, *Cảnh huống và chính sách ngôn ngữ ở Việt Nam*. NXB. Khoa học Xã hội, 2002.

AUTHOR INFORMATION

Nguyen Van Hiep

School of Languages and Tourism, Hanoi University of Industry, Vietnam